TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 259/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/10/2023
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Châu Vũ Sơn.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Huỳnh Thanh Tuấn;

2. Ông Lê Đức Thụy.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 518/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1987; địa chỉ: đội C, thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; có ý kiến xin vắng mặt.

2**.** *Bị đơn:* Anh Đỗ Thanh B, sinh năm 1986: địa chỉ: số C, ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày, chị và anh B sau thời gian tự tìm hiểu và sống chung với nhau vào năm 2011, vợ chồng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không tình cảm, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2020 cho đến

nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu xin ly hôn với anh B. Do chị bận công việc gia đình nên chị không đến để tham gia xét xử cho chị xin vắng mặt tại các buổi xét xử, chị không khiếu nại gì về sau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trần Thị Hương L1, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2012 hiện nay cháu L1 đang sống chung với chị L, khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị L xác định vợ chồng không có.

Về nợ chung: Chị Trần Thị L xác định vợ chồng không có.

Bị đơn anh Đỗ Thanh B trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị L, về thời gian sống chung, vợ chồng không đăng ký kết hôn, trong thời gian sống chung vợ chồng cũng không tình cảm, bất đồng quan điểm, anh và chị L không còn sống chung từ cuối năm 2020, chị L xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Hương L1, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2012 hiện nay cháu L1 đang sống chung với chị L, khi ly hôn anh đồng ý để chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình, giấy khai sinh (bản sao).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn không có ý kiến gì bổ sung.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có văn bản xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Đỗ Thanh B do quen biết, tự tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020, phát sinh mâu thuẫn vợ chồng không tôn trọng nhau, tính tình không dẫn đến thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn và đã ly thân. Nay, yêu cầu ly hôn đối với anh B.

Phía anh B đồng ý ly hôn nhưng vợ chồng không đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận anh B, chị L là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Hương L1, sinh ngày 18/7/2012, đang sống với chị L, yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Xét thấy, anh B và chị L thống nhất, chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L1, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, tại biên bản ghi nhận ý kiến, cháu L1 cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị L, nên cần ổn định cuộc sống cho cháu L1, tiếp tục giao cháu L1 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập đến.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình:

Không công nhận chị Trần Thị L và anh Đỗ Thanh B là vợ chồng.

Chị Trần Thị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên con chung tên Trần Thị Hương L1, sinh ngày 18/7/2012. Anh Đỗ Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Thanh B cư trú ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Trần Thị L đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị có ý kiến xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử

vắng mặt chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị L và anh B sau thời gian tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận chị L và anh B là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có sinh 01con chung tên Trần Thị Hương L1, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2012 hiện nay cháu L1 sống chung với chị L, khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho vợ hay chồng chăm sóc, nuôi dưỡng, cần xem xét đến điều kiện phát triển và nguyện vọng của con chung. Từ khi ly thân đến nay, cháu L1 sống chung với chị L cháu vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Mặt khác, tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu L1 thì cháu có nguyện vọng sống chung với chị L. Để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu L1. Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao cháu L1 cho chị L được tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa anh B cũng không có ý kiến do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh B xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Anh Đỗ Thanh B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14, khoản 2 Điều 53, *57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều* Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235,

273 Bộ luật tố tụng dân sự; *điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị L và anh Đỗ Thanh B là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Trần Thị L được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Thị Hương L1, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2012. Anh Đỗ Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Đỗ Thanh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị L và anh Đỗ Thanh B xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Chị Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014046 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 11 tháng 10 năm 2023; chị Trần Thị L đã nộp đủ án phí.

Anh Đỗ Thanh B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chợ Mới (2);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn